

Số :1707/VFM.2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**  
**ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING**

Kính gửi/Dear : - Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Ho Chi Minh Stock Exchange  
- Thành viên lập quỹ/Nhà đầu tư/Authorized Participants and Investors

Công ty QLQ VFM thông báo những thông tin sau khi kết thúc phiên giao dịch hoán đổi như sau:

VFM would like to announce the information after exchange trading:

- Tên quỹ: **Quỹ ETF VFMVN30/ Fund name: VFMVN30 ETF**
- Mã ccq/Code: **E1VFN30**
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange Date: **7/17/2017**
- Đơn vị tính: 1 lô ETF = 100 000 chứng chỉ quỹ ETF/ Unit: 1 Creation Unit = 100 000 ETF shares
- DMCKCC đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of component securities and cash component:

| STT   | Mã chứng khoán    | Số lượng | Tỷ lệ % trong danh mục |
|-------|-------------------|----------|------------------------|
| Order | Securities Symbol | Volume   | Weighting              |
| 1     | BID               | 710      | 1.10%                  |
| 2     | BMP               | 170      | 1.23%                  |
| 3     | BVH               | 280      | 1.36%                  |
| 4     | CII               | 750      | 2.33%                  |
| 5     | CTD               | 130      | 2.25%                  |
| 6     | CTG               | 1,550    | 2.41%                  |
| 7     | DHG               | 190      | 1.86%                  |
| 8     | DPM               | 650      | 1.26%                  |
| 9     | FPT               | 1,770    | 6.94%                  |
| 10    | GAS               | 400      | 2.04%                  |
| 11    | GMD               | 630      | 2.14%                  |
| 12    | HAG               | 1,800    | 1.36%                  |
| 13    | HNG               | 950      | 0.79%                  |
| 14    | HPG               | 3,780    | 10.25%                 |
| 15    | HSG               | 800      | 2.03%                  |
| 16    | ITA               | 1,920    | 0.68%                  |
| 17    | KBC               | 1,460    | 1.90%                  |
| 18    | KDC               | 510      | 1.92%                  |
| 19    | MBB               | 3,920    | 6.70%                  |
| 20    | MSN               | 1,890    | 6.31%                  |
| 21    | MWG               | 700      | 5.75%                  |
| 22    | NT2               | 360      | 0.83%                  |
| 23    | PVD               | 800      | 0.87%                  |
| 24    | REE               | 770      | 2.27%                  |
| 25    | SBT               | 580      | 1.79%                  |
| 26    | SSI               | 1,320    | 2.85%                  |
| 27    | STB               | 5,330    | 5.19%                  |
| 28    | VCB               | 1,500    | 4.62%                  |
| 29    | VIC               | 2,620    | 8.98%                  |

|    |     |     |       |
|----|-----|-----|-------|
| 30 | VNM | 770 | 9.61% |
|----|-----|-----|-------|

- Chênh lệch giữa DMCKCC và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/Spread between a basket and 1 lot of ETF in value

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/basket value: (VND) 1,237,985,200

- Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/Value per lot of ETF: (VND) 1,242,808,249

- Giá trị chênh lệch/Spread in value: (VND) 4,823,049

- Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/Plan to reduce the spread:

+ Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/With creation order: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/Transfer cash component

+ Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/With redemption order: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại

Receive cash component after subtracting tax and redemption fee

Các trường hợp CKCC được thay bằng tiền/In case, stock can be replaced by cash

| Mã chứng khoán    | Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)  | Đối tượng áp dụng | Lý do                                                                                                                                         |
|-------------------|-------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Securities symbol | Cash amount is replaced for 1 share (VND) | Applied investors | State the reason                                                                                                                              |
| BVH               | 66,330                                    | BVSC              | Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4.a Thông tư 210/2012/TT-BTC<br>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC |

#### Các chỉ tiêu khác/Other criteria

| Chỉ tiêu/Criteria                                                | Kỳ này/This period<br>7/17/2017 | Kỳ này/This period<br>7/14/2017 | Chênh lệch/<br>Changes |
|------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Số lô đã phát hành thêm<br>Creation Units were issued            | 15                              | 25                              | -10                    |
| Số lô đã mua lại/<br>Creation Units were redeemed                | 0                               | 0                               | 0                      |
| Tổng số lượng CCQ đang ký niêm yết/<br>Outstanding Shares        | 63,800,000                      | 62,300,000                      | 1,500,000              |
| Giá đóng cửa (VND/ccq)/Close Price                               | 12,270                          | 12,470                          | -200                   |
| Giá trị tài sản ròng/Net Asset Value:<br>của quỹ ETF/of the Fund | 743,199,332,874                 | 737,173,075,199                 | 6,026,257,675          |
| của một lô ETF/per Creation Unit                                 | 1,242,808,249                   | 1,245,224,789                   | -2,416,540             |
| của một chứng chỉ quỹ/per Share                                  | 12,428.08                       | 12,452.24                       | -24.16                 |
| Chỉ số tham chiếu/Benchmark Index                                | 791.35                          | 806.61                          | -15.26                 |

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VFM/Fund Management Company VFM



Trần Thanh Tân  
Tổng Giám đốc/CEO